

Số: 597/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ
của Trường Đại học Nha Trang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, SDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

QUY ĐỊNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 597/QĐ-ĐHNT ngày 03/7/2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Chương 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này bao gồm: quy định chung, tổ chức đào tạo, cấp bằng tiến sĩ, tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan và tổ chức thực hiện.
2. Quy định này áp dụng cho nghiên cứu sinh, giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ, giảng viên hướng dẫn nghiên cứu sinh, khoa, viện đào tạo và đơn vị quản lý có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Hình thức và thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Hình thức đào tạo: việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Trường trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.
2. Thời gian đào tạo:
 - a. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh;
 - b. Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại Điều 14 và Điều 32 của Quy định này.

Điều 3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gắn với một ngành, chuyên ngành đào tạo, thể hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo và cách thức đánh giá.
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: nhằm giúp nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.
3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
4. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ là 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ và 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.
5. Phương pháp đào tạo ở trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.
6. Kết cấu của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.
7. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ

chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu. Cụ thể:

a. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở ngành gần với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng ngành nhưng theo định hướng ứng dụng hoặc tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp: nghiên cứu sinh phải học bổ sung một số học phần ở trình độ thạc sĩ cần thiết theo yêu cầu của ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu có khối lượng 6 tín chỉ.

b. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

8. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành hoặc chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a. Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành, chuyên ngành hoặc hỗ trợ rèn luyện phương pháp nghiên cứu, cách viết bài báo khoa học;

b. Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với hướng nghiên cứu và đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

c. Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

d. Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án tiến sĩ;

đ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 8 đến 9 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 16 đến 18 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và 2 chuyên đề tiến sĩ là những học phần bắt buộc.

9. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

Chương 2. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Kế hoạch đào tạo khung

1. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ:

Thời gian	Học tập	Nghiên cứu
Năm 1	- Học các học phần bổ sung và các học phần ở trình độ tiến sĩ.	- Bảo vệ tiểu luận tổng quan. - Xác định và thực hiện các chuyên đề tiến sĩ.
Năm 2		- Thực hiện và bảo vệ các chuyên đề tiến sĩ. - Thực hiện nghiên cứu đề tài luận án.
Năm 3		- Tiếp tục thực hiện nghiên cứu đề tài luận án. - Viết và công bố kết quả nghiên cứu. - Trình và bảo vệ luận án tiến sĩ.

2. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu 2 năm đầu tiên tương tự nghiên cứu sinh quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Giao đề tài luận án, người hướng dẫn và bộ môn quản lý

1. Trong vòng 1 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trên cơ sở kết quả bảo vệ đề cương nghiên cứu và đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành, Phòng Đào tạo Sau Đại học trình Hiệu trưởng quyết định giao đề tài nghiên cứu, người hướng dẫn và bộ môn quản lý nghiên cứu sinh.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 2 người hướng dẫn, trong đó ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường.

3. Trong vòng 12 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải hoàn thành và bảo vệ tiểu luận tổng quan theo đề tài luận án đã được giao.

4. Nếu trong vòng 12 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh mà chưa hoàn thành tiểu luận tổng quan, nghiên cứu sinh được phép gia hạn không quá 12 tháng.

5. Nếu nghiên cứu sinh không có đơn xin gia hạn hoặc sau thời gian gia hạn vẫn không hoàn thành tiểu luận tổng quan, nghiên cứu sinh sẽ bị buộc thôi học.

6. Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành luận án đúng hạn nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện.

Điều 6. Tổ chức dạy học và đánh giá học phần

1. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ, văn bằng, bảng điểm trình độ đại học, thạc sĩ của nghiên cứu sinh, (tập thể) người hướng dẫn và khoa, viện quản lý ngành dựa trên chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ để đề nghị các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, các học phần ở trình độ tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

2. Trên cơ sở đề nghị của khoa, viện quản lý ngành, Phòng Đào tạo Sau Đại học xây dựng kế hoạch đào tạo và thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện theo nguyên tắc:

a. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, nghiên cứu sinh đăng ký tại Phòng Đào tạo Đại học để được bố trí học theo lớp đại học cùng ngành đào tạo;

b. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, nghiên cứu sinh đăng ký tại Phòng Đào tạo Sau Đại học để được bố trí học theo lớp thạc sĩ cùng ngành đào tạo;

c. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ, nghiên cứu sinh phải học theo lớp do Phòng Đào tạo Sau Đại học phối hợp với khoa, viện quản lý ngành tổ chức;

d. Tổ chức dạy học và đánh giá học phần bổ sung ở trình độ đại học thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường. Tổ chức dạy học và đánh giá học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ và học phần ở trình độ tiến sĩ thực hiện Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.

3. Tổ chức giảng dạy học phần ở trình độ tiến sĩ phải đảm bảo khuyến khích và đòi hỏi nghiên cứu sinh chủ động, tự học và tự nghiên cứu.

4. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có) và các học phần ở trình độ tiến sĩ theo quy định của chương trình đào tạo.

5. Nghiên cứu sinh được tích lũy các học phần ở trình độ tiến sĩ tương đương ở một cơ sở đào tạo khác mà Trường có thỏa thuận về trao đổi sinh viên hoặc chuyển đổi và công nhận tín chỉ hoặc nghiên cứu sinh đã học tại cơ sở đào tạo đó trước khi chuyển về Trường.

6. Nếu trong vòng 24 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh mà chưa hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có) và các học phần ở trình độ tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép gia hạn không quá 12 tháng.

7. Nếu nghiên cứu sinh không có đơn xin gia hạn hoặc sau thời gian gia hạn mà vẫn không hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có) và các học phần ở trình độ tiến sĩ,

ngiên cứu sinh sẽ bị buộc thôi học.

Điều 7. Tổ chức cho nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là hoạt động mang tính bắt buộc đối với nghiên cứu sinh, là cơ sở quan trọng để nghiên cứu sinh thực hiện tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ và đề tài luận án.

2. Căn cứ đề tài luận án của nghiên cứu sinh, (tập thể) người hướng dẫn, bộ môn và khoa, viện quản lý ngành có trách nhiệm:

a. Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia thực hiện các đề tài, dự án liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh mà người hướng dẫn, bộ môn và khoa, viện đang chủ trì;

b. Hướng dẫn, hỗ trợ nghiên cứu sinh đăng ký thực hiện đề tài khoa học các cấp liên quan đến đề tài luận án nếu thấy cần thiết;

c. Tìm kiếm nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án;

d. Tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu.

Điều 8. Đánh giá tiểu luận tổng quan

1. Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan:

a. Gồm 3 thành viên: Chủ tịch, Thư ký và Ủy viên Hội đồng;

b. Các thành viên Hội đồng có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ và am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Người hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng thì chỉ trên tư cách Ủy viên. Người có quan hệ ruột thịt (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em) với nghiên cứu sinh không được tham gia Hội đồng;

c. Hội đồng do Hiệu trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành.

2. Điều kiện và yêu cầu đối với đánh giá tiểu luận tổng quan:

a. Hội đồng chỉ họp đánh giá khi có đủ thành viên Hội đồng;

b. Các thành viên Hội đồng phải đọc tiểu luận tổng quan trước khi dự phiên họp của Hội đồng;

c. Hội đồng tập trung đánh giá chất lượng tiểu luận tổng quan theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 3 của Quy định này;

d. Hội đồng chấm điểm tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh theo nguyên tắc:

- Điểm chấm tiểu luận tổng quan của từng thành viên theo thang điểm 10, cho điểm chẵn. Điểm tiểu luận tổng quan là điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng và được làm tròn đến 1 chữ số thập phân;

- Tiểu luận tổng quan được coi là đạt yêu cầu nếu điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng từ 7 trở lên.

3. Nếu tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh được bảo vệ lại duy nhất 1 lần và sớm nhất sau 3 tháng kể từ lần bảo vệ đầu tiên. Hội đồng đánh giá lần thứ hai được giữ nguyên như lần đầu trừ trường hợp bất khả kháng. Nếu tiểu luận tổng quan vẫn không đạt yêu cầu khi bảo vệ lần thứ hai, nghiên cứu sinh sẽ bị buộc thôi học.

4. Khoa, viện quản lý ngành chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá tiểu luận tổng quan theo Hướng dẫn của Trường.

Điều 9. Giao chuyên đề tiến sĩ

1. Căn cứ đề tài luận án của nghiên cứu sinh, ý kiến của Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan, (tập thể) người hướng dẫn xác định tên 2 chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

2. Hiệu trưởng quyết định giao chuyên đề tiến sĩ trên cơ sở ý kiến của (tập thể)

người hướng dẫn và đề nghị của trưởng khoa, viện quản lý ngành.

3. Thời gian thực hiện các chuyên đề tiến sĩ không quá 12 tháng. Trong vòng 24 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải hoàn thành và bảo vệ các chuyên đề tiến sĩ.

4. Nếu trong vòng 24 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh mà nghiên cứu sinh chưa hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép gia hạn không quá 12 tháng.

5. Nếu nghiên cứu sinh không có đơn xin gia hạn hoặc sau thời gian gia hạn mà vẫn không hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ, nghiên cứu sinh sẽ bị buộc thôi học.

6. Trường hợp cần thay đổi chuyên đề tiến sĩ hoặc điều chỉnh tên chuyên đề tiến sĩ, (tập thể) người hướng dẫn có đề nghị bằng văn bản gửi trưởng khoa, viện và Hiệu trưởng (qua Phòng Đào tạo Sau Đại học) để được xem xét quyết định.

Điều 10. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ

1. Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ:

a. Gồm 3 thành viên: Chủ tịch, Thư ký và Ủy viên Hội đồng;

b. Các thành viên Hội đồng có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ và am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Người hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng thì chỉ trên tư cách Ủy viên. Người có quan hệ ruột thịt (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em) với nghiên cứu sinh không được tham gia Hội đồng;

c. Hội đồng đánh giá do Hiệu trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa, viện quản lý ngành.

2. Điều kiện và yêu cầu đối với đánh giá chuyên đề tiến sĩ:

a. Hội đồng chỉ họp đánh giá khi có đầy đủ thành viên Hội đồng;

b. Các thành viên Hội đồng phải đọc chuyên đề tiến sĩ trước khi dự phiên họp của Hội đồng;

c. Hội đồng tập trung đánh giá chất lượng chuyên đề tiến sĩ theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 3 của Quy định này.

d. Hội đồng chấm điểm chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh theo nguyên tắc:

- Điểm chấm chuyên đề của từng thành viên theo thang điểm 10, cho điểm chẵn.

Điểm tiêu luận tổng quan là điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng và được làm tròn đến 1 chữ số thập phân;

- Chuyên đề tiến sĩ được coi là đạt yêu cầu nếu điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng từ 7,0 trở lên.

3. Nếu chuyên đề tiến sĩ không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh được bảo vệ lại duy nhất 1 lần và sớm nhất sau 3 tháng kể từ lần bảo vệ đầu tiên. Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ lần thứ hai được giữ nguyên như lần đầu trừ trường hợp bất khả kháng. Nếu chuyên đề tiến sĩ vẫn không đạt yêu cầu khi bảo vệ lần thứ hai, nghiên cứu sinh sẽ bị buộc thôi học.

4. Khoa, viện quản lý ngành chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá chuyên đề tiến sĩ theo Hướng dẫn của Trường.

Điều 11. Thay đổi đề tài luận án

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện khi có lý do chính đáng như:

a. Đề tài nghiên cứu đã có người bảo vệ;

b. Khó khăn về phương tiện, thiết bị, hoá chất không thể khắc phục được.

2. Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, (tập thể) người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này;

3. Trường hợp này nghiên cứu sinh phải bảo vệ đề cương nghiên cứu đề tài mới, thực hiện lại tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ phù hợp với đề tài luận án mới.

4. Hiệu trưởng quyết định thay đổi đề tài luận án trên cơ sở ý kiến của (tập thể) người hướng dẫn và đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành.

Điều 12. Điều chỉnh tên đề tài luận án

1. Điều chỉnh tên đề tài luận án nhằm đạt sự chuẩn xác hoặc phù hợp với nội dung nghiên cứu phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Đối với luận án mà khi bảo vệ ở cấp khoa, viện, Hội đồng đề nghị sửa đổi, điều chỉnh tên đề tài luận án cho phù hợp, chính xác với nội dung luận án và kết quả đạt được thì Hội đồng cần có quyết nghị về vấn đề này trong Biên bản họp Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện.

3. Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh tên đề tài luận án trên cơ sở ý kiến của (tập thể) người hướng dẫn và đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành hoặc của Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện và ý kiến của Trường phòng Đào tạo Sau Đại học.

Điều 13. Bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn

1. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được xem xét trong những trường hợp thật cần thiết như:

a. Người hướng dẫn chuyển công tác, đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng kéo dài, qua đời;

b. Do yêu cầu của đề tài nghiên cứu.

2. Người hướng dẫn bổ sung hoặc thay thế cũng phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 của Quy định này.

3. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Hiệu trưởng quyết định bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn trên cơ sở ý kiến của (tập thể) người hướng dẫn và đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành.

Điều 14. Bảo vệ trước thời hạn

1. Nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án trước thời hạn nếu:

a. Đáp ứng các điều kiện để được bảo vệ luận án quy định tại Điều 16 của Quy định này;

b. Không sớm hơn 2/3 thời gian đào tạo ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2. Hiệu trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trước thời hạn trên cơ sở ý kiến của (tập thể) người hướng dẫn và đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành.

Điều 15. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Đáp ứng quy định tại khoản 9 Điều 3 của Quy định này và quy định của Trường về trình bày luận án tiến sĩ.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a. Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b. Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 16. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án cấp khoa, viện

1. Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ được quy định tại khoản 7, 8 Điều 3 của Quy định này.
2. Đã công bố tối thiểu 2 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 1 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 2 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 2 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.
3. Được (tập thể) người hướng dẫn nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án cấp khoa, viện.
4. Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
5. Hoàn thành đóng học phí và kinh phí bổ sung theo quy định của Trường.

Điều 17. Hồ sơ đăng ký đánh giá luận án cấp khoa, viện

1. Hồ sơ đăng ký đánh giá luận án cấp khoa, viện gồm:
 - a. Đơn đăng ký bảo vệ luận án có ý kiến đồng ý của (tập thể) người hướng dẫn;
 - b. Bản nhận xét, đánh giá của (tập thể) người hướng dẫn nghiên cứu sinh;
 - c. Quyền luận án (8 quyển);
 - d. Quyền tóm tắt luận án (8 quyển);
 - đ. Tập công trình khoa học đã công bố (8 tập) đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này, bao gồm: bản kê, bản sao các bài báo, công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án;
 - e. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Quy định này (nếu có);
 - g. Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần ở trình độ tiến sĩ;
 - h. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).
2. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này; các tài liệu còn lại do Phòng Đào tạo Sau Đại học tập hợp.

Điều 18. Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện gồm 7 thành viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Trường.
2. Người cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án, người hướng dẫn, người có quan hệ ruột thịt (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em) với nghiên cứu sinh không được tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện.
3. Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện gồm: Chủ tịch, Thư ký và 5 Ủy viên Hội đồng.
4. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện trên cơ sở đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành.
5. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện trong trường hợp bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định).
6. Trong trường hợp thay đổi thành viên Hội đồng giữa các lần họp đánh giá, số

lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường.

7. Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án hoặc quá 3 tháng kể từ ngày có quyết định thành lập mà Hội đồng vẫn chưa tổ chức họp đánh giá luận án phiên đầu tiên.

Điều 19. Điều kiện tổ chức họp đánh giá luận án cấp khoa, viện

1. Luận án được gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp Hội đồng ít nhất 15 ngày làm việc.

2. Các thành viên Hội đồng có nhận xét luận án bằng văn bản trước khi dự phiên họp của Hội đồng.

3. Thời gian, địa điểm họp Hội đồng được thông báo trên Website của khoa, viện quản lý ngành và Trường trước tối thiểu 10 ngày. Ngoài các thành viên Hội đồng, người hướng dẫn, trưởng bộ môn, khoa, viện quản lý ngành và Phòng Đào tạo Sau Đại học là khách mời đương nhiên.

4. Không rơi vào một trong các trường hợp sau đây:

- a. Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b. Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c. Vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;
- d. Vắng mặt từ 2 thành viên Hội đồng trở lên.

5. Trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau khi Hội đồng tự giải tán, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các quy định tại Điều 16 của Quy định này. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp khoa, viện lần đầu.

6. Trong trường hợp có thay đổi thành viên Hội đồng, các thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức đánh giá luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện.

Điều 20. Yêu cầu đối với buổi họp đánh giá luận án cấp khoa, viện

1. Việc đánh giá luận án cấp khoa, viện là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; các thành viên của khoa, viện, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia.

2. Hội đồng phải họp trừ bị kiểm tra các điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, viện theo Điều 19 của Quy định này. Chỉ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 19 của Quy định này, Hội đồng mới được họp chính thức để đánh giá luận án của nghiên cứu sinh.

3. Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét trong đó chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh bổ sung, sửa chữa.

4. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

5. Nếu luận án chưa được thông qua để đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp

Trường, nghiên cứu sinh tiếp tục bổ sung, sửa chữa luận án. Hội đồng có thể họp đánh giá nhiều lần.

6. Khoa, viện quản lý ngành đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá luận án cấp khoa, viện theo Hướng dẫn của Trường.

Điều 21. Phản biện độc lập

1. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 2 phản biện độc lập trước khi được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Trường. Cán bộ, viên chức có liên quan và các phản biện độc lập có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập khi đang thực hiện nhiệm vụ.

4. Xử lý kết quả phản biện độc lập:

a. Nếu cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

b. Nếu có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Hiệu trưởng gửi luận án xin ý kiến phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

c. Nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên hoặc phản biện độc lập thứ ba không tán thành luận án:

- Nghiên cứu sinh phải chỉnh sửa luận án để bảo vệ lại ở cấp khoa, viện sớm nhất sau 6 tháng và muộn nhất là 12 tháng kể từ ngày luận án bị trả lại;

- Luận án sau khi được đánh giá lại ở cấp khoa, viện phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu;

- Trường hợp các phản biện độc lập vẫn không tán thành luận án, nghiên cứu sinh sẽ bị buộc thôi học.

5. Tổ chức phản biện độc lập được thực hiện theo Hướng dẫn của Trường.

Điều 22. Điều kiện đánh giá luận án cấp Trường

1. Luận án của nghiên cứu sinh được khoa, viện đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

2. Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập tán thành;

3. Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

Điều 23. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án cấp Trường

1. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án cấp Trường gồm:

a. Quyển luận án (8 quyển);

b. Quyển tóm tắt luận án (8 quyển);

c. Tập công trình khoa học đã công bố (8 tập) đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này, bao gồm: bản kê, bản sao các bài báo, công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án;

d. Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

đ. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Quy định này (nếu có);

e. Văn bản của khoa, viện đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội

đồng đánh giá luận án cấp Trường;

g. Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần ở trình độ tiến sĩ;

h. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

i. Bản nhận xét của 2 phản biện độc lập.

2. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này; các tài liệu còn lại do Phòng Đào tạo Sau Đại học tập hợp.

Điều 24. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;

b. Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c. Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, trong đó người phản biện phải có tối thiểu 1 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

2. Hội đồng gồm 7 thành viên, trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 5 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án cấp khoa, viện tối đa không quá 3 người; số thành viên là cán bộ của Trường tối đa không quá 3 người.

3. Hội đồng gồm: Chủ tịch, Thư ký, 3 Phản biện và 2 Ủy viên. Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh. Các Phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án. Đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

4. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

5. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trên cơ sở đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau Đại học.

6. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

7. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường tự giải thể sau khi hoàn thành đánh giá luận án hoặc quá 3 tháng kể từ ngày quyết định thành lập mà Hội đồng vẫn chưa họp đánh giá luận án.

Điều 25. Điều kiện tổ chức đánh giá luận án cấp Trường

1. Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh được công bố công khai trên Website của Trường chậm nhất 20 ngày trước ngày họp hội đồng đánh giá luận án.

2. Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Thư ký Hội đồng (qua Phòng Đào tạo Sau Đại học) trước ngày họp đánh giá luận án chậm nhất 10 ngày.

3. Người hướng dẫn, trưởng bộ môn, khoa, viện quản lý ngành là khách mời đương nhiên.

4. Không rơi vào một trong các trường hợp sau:

a. Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;

b. Vắng mặt Thư ký Hội đồng;

c. Vắng mặt từ 2 thành viên Hội đồng trở lên.

5. Trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau khi Hội đồng tự giải tán, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các quy định tại Điều 22 của Quy định này. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường lần đầu.

6. Trong trường hợp có thay đổi thành viên Hội đồng, các thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức đánh giá luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

Điều 26. Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá luận án cấp Trường

1. Hội đồng phải họp trừ bị kiểm tra các điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường theo Điều 25 của Quy định này. Chỉ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 25 của Quy định này, Hội đồng mới được họp chính thức để đánh giá luận án của nghiên cứu sinh.

2. Luận án phải được đánh giá công khai.

3. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 2 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành.

4. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ:

a. Kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng;

b. Những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn;

c. Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;

d. Tính trung thực của kết quả nghiên cứu;

đ. Kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

5. Biên bản buổi đánh giá luận án cấp Trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

6. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án (nếu có) theo quyết nghị của Hội đồng và có bản giải trình chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, (tập thể) người hướng dẫn, Chủ tịch và Thư ký Hội đồng, Trường phòng Đào tạo Sau Đại học có trách nhiệm kiểm tra lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh trước khi luận án được nộp cho Thư viện Quốc gia và Thư viện Trường.

7. Phòng Đào tạo Sau Đại học chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá luận án cấp Trường theo Hướng dẫn của Trường.

Điều 27. Đánh giá lại luận án ở cấp Trường

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Tổ chức đánh giá lại luận án ở cấp Trường tương tự như đánh giá lần thứ nhất.

4. Trường hợp luận án vẫn không đạt yêu cầu sau khi đánh giá lại, nghiên cứu sinh sẽ bị buộc thôi học. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

Điều 28. Chuyển sang cơ sở đào tạo khác

1. Khi có lý do chính đáng, nghiên cứu sinh có thể xin chuyển sang cơ sở đào tạo khác với điều kiện:

a. Thời hạn đào tạo theo quy định còn ít nhất 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh;

b. Được cơ sở chuyển đến tiếp nhận.

2. Hiệu trưởng quyết định cho phép nghiên cứu sinh chuyển sang cơ sở đào tạo khác trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học.

Điều 29. Tiếp nhận từ cơ sở đào tạo khác

1. Nghiên cứu sinh từ cơ sở đào tạo có thể xin chuyển về Trường nếu:

a. Thời hạn đào tạo theo quy định còn ít nhất 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh;

b. Được cơ sở đang đào tạo đồng ý;

c. Ngành đào tạo của nghiên cứu sinh phù hợp với ngành đào tạo của Trường.

2. Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận từ cơ sở đào tạo khác và công nhận nghiên cứu sinh trên cơ sở đề nghị của khoa, viện quản lý ngành và Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học. Trong trường hợp này, thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Quy định này.

Điều 30. Nghỉ học tạm thời, tiếp tục học

1. Nghiên cứu sinh được nghỉ học tạm thời trong các trường hợp sau:

a. Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b. Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài. Trường hợp này phải có giấy xác nhận của y tế phường, xã trở lên;

c. Vì nhu cầu cá nhân.

2. Nghiên cứu sinh được nghỉ học tạm thời sẽ được bảo lưu kết quả các học phần đạt yêu cầu và học phí đã đóng.

3. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này.

4. Nghiên cứu sinh có nguyện vọng nghỉ học tạm thời có đơn gửi Hiệu trưởng (qua Phòng Đào tạo Sau Đại học) để được xem xét, quyết định.

5. Nghiên cứu sinh nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường (kể cả trường hợp trở lại học sớm hơn so với thời hạn ghi trong quyết định cho phép nghỉ học tạm thời), phải có đơn trước khi bắt đầu học kỳ mới ít nhất 14 ngày.

Điều 31. Thôi học

1. Nghiên cứu sinh được phép thôi học nếu có lý do chính đáng và có đơn xin thôi học gửi Hiệu trưởng (qua Phòng Đào tạo Sau Đại học).

2. Hiệu trưởng quyết định cho thôi học sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của Trường.

3. Sau khi có quyết định cho thôi học, Trường tiến hành hoàn trả học phí còn dư cho nghiên cứu sinh và cấp chứng nhận kết quả học tập nếu nghiên cứu sinh có yêu cầu.

Điều 32. Gia hạn thời gian đào tạo

1. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập.

2. Nghiên cứu sinh được phép gia hạn một số lần nhưng tổng thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian gia hạn, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục

tại Trường.

3. Hồ sơ xin phép gia hạn thời gian đào tạo gồm:

a. Đơn xin gia hạn đào tạo có ý kiến đồng ý của (tập thể) người hướng dẫn và cơ quan cử đi học (nếu có);

b. Kế hoạch chi tiết để hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu trong thời gian gia hạn được (tập thể) người hướng dẫn chấp thuận và bộ môn quản lý thông qua.

4. Hiệu trưởng quyết định gia hạn thời gian đào tạo trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa, viện quản lý ngành và Trường phòng Đào tạo Sau Đại học.

5. Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 27 của Quy định này) thì Hiệu trưởng quyết định buộc thôi học cho nghiên cứu sinh. Trong trường hợp này, kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của nghiên cứu sinh không được bảo lưu.

Điều 33. Buộc thôi học

1. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a. Nghiên cứu sinh không hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có) và các học phần ở trình độ tiến sĩ theo quy định tại khoản 5 Điều 5, khoản 7 Điều 6, khoản 3 Điều 8 và khoản 5 Điều 9 của Quy định này;

b. Nghiên cứu sinh không trình luận án sau thời hạn đào tạo kể cả thời gian gia hạn (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Quy định này;

c. Luận án của nghiên cứu sinh không được các phản biện độc lập lần thứ hai tán thành theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 21 của Quy định này hoặc không đạt yêu cầu khi bảo vệ lại ở cấp Trường theo quy định tại Điều 27 của Quy định này hoặc không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua khi hết thời gian gia hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 32 của Quy định này.

2. Hiệu trưởng quyết định buộc thôi học nghiên cứu sinh trên cơ sở đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau Đại học.

Chương 3. CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 34. Điều kiện xét cấp bằng tiến sĩ

Nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua đủ 3 tháng (90 ngày).

2. Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường và được (tập thể) người hướng dẫn, Chủ tịch Hội đồng và Trường phòng Đào tạo Sau Đại học xác nhận (nếu có).

3. Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định.

4. Đã đăng trên Website của Trường và nộp Thư viện Trường, Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của (tập thể) người hướng dẫn và xác nhận của Trường phòng Đào tạo Sau Đại học sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và Hội đồng thẩm định (nếu có).

Điều 35. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ

1. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a. Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp Trường;

- b. Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;
 - c. Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường có mặt tại buổi đánh giá;
 - d. Bản nhận xét, đánh giá của (tập thể) người hướng dẫn nghiên cứu sinh;
 - đ. Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;
 - e. Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam;
 - g. Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án;
 - h. Bản giải trình về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, có xác nhận của (tập thể) người hướng dẫn, Chủ tịch và Thư ký Hội đồng và Trường phòng Đào tạo Sau Đại học.
2. Phòng Đào tạo Sau Đại học tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 34 của Quy định này và lưu trữ hồ sơ cấp bằng theo quy định.

Điều 36. Cấp bằng tiến sĩ

Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương 4. TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ CẤP QUẢN LÝ CÓ LIÊN QUAN

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

- 1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học.
- 2. Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được (tập thể) người hướng dẫn, trưởng bộ môn và trưởng khoa, viện quản lý ngành thông qua.
- 3. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của cơ sở đào tạo.
- 4. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.
- 5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 38. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

- 1. Tiêu chuẩn giảng viên:
 - a. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;
 - b. Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;
 - c. Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên;
 - d. Là tác giả chính tối thiểu 2 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.
- 2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

Điều 39. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

- 1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b. Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 3 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c. Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d. Là tác giả chính tối thiểu 1 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 2 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 2 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ. Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 1 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e. Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g. Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường.

2. Tiêu chuẩn người hướng chính và người hướng dẫn phụ:

a. Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại khoản 1 Điều này;

b. Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a. Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học;

b. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 5 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 4 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 3 nghiên cứu sinh;

c. Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 6 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 2 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 27 của Quy định này (nếu có);

d. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

đ. Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đề luận án được đánh giá ở cấp khoa, viện và tại Hội đồng cấp Trường nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 15 của Quy định này;

e. Trường hợp có 2 người hướng dẫn, người hướng dẫn chính có trách nhiệm chính trong việc hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn phụ hướng dẫn nghiên cứu sinh một số nội dung nghiên cứu cụ thể do người hướng dẫn chính phân công;

g. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 40. Nhiệm vụ và quyền khoa, viện

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.
2. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại khoa, viện.
3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh.
4. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp khoa, viện; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng cấp Trường trên cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 20 của Quy định này.
5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 41. Nhiệm vụ và quyền của Trường

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của Trường về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo Quy định này và các quy định khác có liên quan.
2. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên Website của Trường.
3. Tổ chức thực hiện tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.
4. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).
5. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế, xuất bản các tạp chí nghiên cứu khoa học có phản biện của Trường.
6. Xây dựng chính sách cụ thể để thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.
7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ.
8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan.

Chương 5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 42. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với khóa tuyển sinh năm 2016 trở về trước: thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang ban hành tại Quyết định số 780/QĐ-ĐHNT ngày 21/6/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.
2. Đối với khóa tuyển sinh từ năm 2017 và 2018: quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh và điều kiện nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án cấp khoa, viện được thực hiện như sau:
 - a. Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành I (quy định tại Phụ lục) là tác giả chính của tối thiểu 1 bài báo bằng tiếng Anh đăng trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b. Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ lục) là tác giả chính tối thiểu 1 báo cáo hoặc công trình khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc 1 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

c. Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành I (quy định tại phụ lục) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 2 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 1 bài báo bằng tiếng Anh trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài;

d. Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ lục) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 2 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 1 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 1 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

3. Đối với khóa tuyển sinh năm 2019 trở đi: thực hiện theo Quy định này.

Phụ lục
BẢNG DANH MỤC NHÓM NGÀNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Nhóm ngành	Mã danh mục cấp II	Mã danh mục cấp III	TÊN GỌI
I	31		Khoa học xã hội và hành vi
		3101	Kinh tế học
		3102	Khoa học chính trị
		3103	Xã hội học và Nhân học
		3104	Tâm lý học
		3105	Địa lý học
		3106	Khu vực học
	34		Kinh doanh và quản lý
		3401	Kinh doanh
		3402	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm
		3403	Kế toán - Kiểm toán
		3404	Quản trị - Quản lý
	81		Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
		8101	Du lịch
		8102	Khách sạn, nhà hàng
		8103	Thể dục, thể thao
		8104	Dịch vụ thẩm mỹ
		8105	Kinh tế gia đình
	84		Dịch vụ vận tải
		8401	Khai thác vận tải
		8402	Dịch vụ bưu chính
II	42		Khoa học sự sống
		4201	Sinh học
		4202	Sinh học ứng dụng
	48		Máy tính và công nghệ thông tin
		4801	Máy tính
		4802	Công nghệ thông tin
	52		Kỹ thuật
		5201	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật
		5202	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
		5203	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường
		5204	Vật lý kỹ thuật
		5205	Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa
		5206	Kỹ thuật mỏ
	54		Sản xuất và chế biến
		5401	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống
		5402	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da
		5403	Khai thác mỏ
	58		Kiến trúc và xây dựng
		5801	Kiến trúc và quy hoạch
		5802	Xây dựng
		5803	Quản lý xây dựng
	62		Nông, lâm nghiệp và thủy sản
		6201	Nông nghiệp
		6202	Lâm nghiệp
		6203	Thủy sản